

ĐỀ THI HỌC KÌ I:

ĐỀ SỐ 15

MÔN: TOÁN - LỚP 8



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Đề bài

Câu 1 (2,5 điểm):

Cho biểu thức $P = \left(\frac{1}{x-2} - \frac{x^2}{8-x^3} \cdot \frac{x^2+2x+4}{x+2} \right) : \frac{1}{x^2-4}$

- Tìm điều kiện của x để P có nghĩa và rút gọn P .
- Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức P .
- Tìm các số nguyên x để $P : (x^2 + 1)$.

Câu 2 (2 điểm):

Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

$$A(x) = 2x^2 + x - 3$$

$$B(a; b; c) = (a+b)(b+c)(c+a) + abc$$

Câu 3 (1 điểm):

Cho hai đa thức $P(x) = x^3 + ax + b$ và $Q(x) = x^2 - 3x + 2$. Xác định các hệ số a, b sao cho với mọi giá trị của x thì $P(x) : Q(x)$.

Câu 4 (3,5 điểm):

Cho hình thoi $ABCD$ có góc D bằng 60° . Gọi E, H, G, F lần lượt là trung điểm của AB, BC, CD và DA .

- Chứng minh tứ giác $EFGH$ là hình chữ nhật.
- Cho AG cắt HF tại J . Chứng minh rằng $HF = 4FJ$.
- Gọi I là trung điểm của FJ và P là giao điểm của EH và DB . Chứng minh IG vuông góc với IP .
- Cho $AB = 2cm$. Tính độ dài IP .

Câu 5 (1 điểm):

- Cho ba số a, b, c thỏa mãn $(a+b+c)(ab+bc+ca) = 2017$ và $abc = 2017$.

Tính giá trị của biểu thức $P = (b^2c + 2017)(c^2a + 2017)(a^2b + 2017)$.

b) (Dành riêng cho lớp 8A) Tìm các số tự nhiên x, n sao cho số $p = x^4 + 2^{4n+2}$ là một số nguyên tố.

LG bài 1

Giải chi tiết:

a) Tìm điều kiện của x để P có nghĩa và rút gọn P .

$$\text{ĐKXD: } \begin{cases} x-2 \neq 0 \\ 8-x^3 \neq 0 \\ x+2 \neq 0 \\ x^2-4 \neq 0 \end{cases} \Leftrightarrow x \neq \pm 2$$

$$\begin{aligned} P &= \left(\frac{1}{x-2} - \frac{x^2}{8-x^3} \cdot \frac{x^2+2x+4}{x+2} \right) : \frac{1}{x^2-4} \\ &= \left(\frac{1}{x-2} + \frac{x^2}{x^3-8} \cdot \frac{x^2+2x+4}{x+2} \right) : \frac{1}{x^2-4} \\ &= \left(\frac{1}{x-2} + \frac{x^2}{(x-2)(x^2+2x+4)} \cdot \frac{x^2+2x+4}{x+2} \right) : \frac{1}{x^2-4} \\ P &= x^2 + x + 2 = \left(x^2 + x + \frac{1}{4} \right) + \frac{7}{4} = \left(x + \frac{1}{2} \right)^2 + \frac{7}{4} \geq \frac{7}{4} \\ &= \left(\frac{1}{x-2} + \frac{x^2}{(x-2)(x+2)} \right) \cdot (x^2-4) \\ &= \frac{x+2+x^2}{x^2-4} \cdot (x^2-4) = x^2 + x + 2. \end{aligned}$$

b) Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức P .

$$P = x^2 + x + 2 = \left(x^2 + x + \frac{1}{4} \right) + \frac{7}{4} = \left(x + \frac{1}{2} \right)^2 + \frac{7}{4} \geq \frac{7}{4} \text{ với mọi } x \neq \pm 2$$

$$\text{Dấu "=" xảy ra } \Leftrightarrow x + \frac{1}{2} = 0 \Leftrightarrow x = -\frac{1}{2}$$

$$\text{Vậy } \min_p = \frac{7}{4} \text{ đạt được khi } x = -\frac{1}{2}$$

c) Tìm các số nguyên x để $P : (x^2 + 1)$.

$$\text{Để } P : (x^2 + 1) \text{ thì phép chia trên phải có số dư là } 0 \Rightarrow x+1=0 \Leftrightarrow x = -1$$

$$\text{Vậy } x = -1.$$

LG bài 2**Giải chi tiết:****Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:**

$$A(x) = 2x^2 + x - 3 = 2x^2 + 3x - 2x - 3 = x(2x + 3) - (2x + 3) = (2x + 3)(x - 1)$$

$$\begin{aligned} B(a; b; c) &= (a + b)(b + c)(c + a) + abc = (ab + ac + b^2 + bc)(c + a) + abc \\ &= abc + a^2b + ac^2 + a^2c + b^2c + ab^2 + bc^2 + abc + abc \\ &= (a^2b + abc + a^2c) + (ab^2 + b^2c + abc) + (abc + bc^2 + ac^2) \\ &= a(ab + bc + ca) + b(ab + bc + ca) + c(ab + bc + ca) \\ &= (a + b + c)(ab + bc + ca) \end{aligned}$$

LG bài 3**Giải chi tiết:**

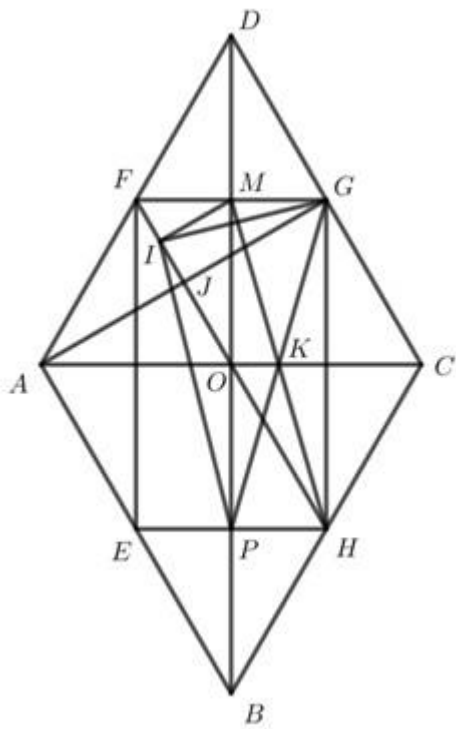
Cho hai đa thức $P(x) = x^3 + ax + b$ và $Q(x) = x^2 - 3x + 2$. Xác định các hệ số a, b sao cho với mọi giá trị của x thì $P(x) \div Q(x)$.

Để $P(x) \div Q(x)$ với mọi giá trị của $x \Leftrightarrow (a + 7)x + b - 6 = 0$ với mọi giá trị của x

$$\Leftrightarrow \begin{cases} a + 7 = 0 \\ b - 6 = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = -7 \\ b = 6 \end{cases}$$

Vậy với $a = -7$ và $b = 6$ thì $P(x) \div Q(x)$ với mọi giá trị của x .

LG bài 4**Giải chi tiết:**



Cho hình thoi $ABCD$ có góc D bằng 60° . Gọi E, H, G, F lần lượt là trung điểm của AB, BC, CD và DA .

a) Chứng minh tứ giác $EFGH$ là hình chữ nhật.

Ta có $ABCD$ là hình thoi $\Rightarrow AC \perp BD$ (tính chất) (1)

Có E, F lần lượt là trung điểm của AB và DA (gt)

$\Rightarrow EF$ là đường trung bình trong tam giác $ABD \Rightarrow EF \parallel BD$ (2)

Có F, G lần lượt là trung điểm của AD và CD (gt)

$\Rightarrow FG$ là đường trung bình trong tam giác $DAC \Rightarrow FG \parallel AC$ (3)

Từ (1), (2), (3) $\Rightarrow EF \perp FG$ (từ vuông góc đến song song)

Tương tự $\Rightarrow FG \perp GH; GH \perp HE; HE \perp EF$

$\Rightarrow EFGH$ là hình chữ nhật (dnhb)

b) Cho AG cắt HF tại J . Chứng minh rằng $HF = 4FJ$.

Ta có F, H lần lượt là trung điểm của AD và BC

$\Rightarrow FH$ là đường trung bình của hình thoi $ABCD \Rightarrow FH \parallel AB \parallel CD$ và $FH = AB = CD$

Xét tam giác ADG có F là trung điểm của $AD, FJ \parallel DG$ ($FH \parallel CD$)

$\Rightarrow J$ là trung điểm của $AG \Rightarrow FJ$ là đường trung bình trong tam giác ADG

$\Rightarrow FJ = \frac{1}{2} DG = \frac{1}{4} CD = \frac{1}{4} HF$ (do G là trung điểm của CD nên $DG = \frac{1}{2} CD$)

$$\Rightarrow HF = 4FJ \text{ (đpcm)}$$

c) Gọi I là trung điểm của FJ và P là giao điểm của EH và DH . Chứng minh IG vuông góc với IP .

$$\text{Gọi } AC \text{ cắt } BD \text{ tại } O \Rightarrow DO = \frac{1}{2}BD; OC = OA = \frac{1}{2}AC \text{ (tính chất)}$$

Xét tam giác ACD có $DA = DC$ ($ABCD$ là hình thoi), $\angle D = 60^\circ$ (gt)

$$\Rightarrow \triangle ACD \text{ đều (dnhb)} \Rightarrow AC = CD; DO = AG \text{ (tính chất)}$$

$$\Rightarrow AG \text{ vừa là trung tuyến vừa là đường cao} \Rightarrow AG \perp CD \Rightarrow AG \perp HF \text{ (từ vuông góc đến song song)}$$

Gọi FG cắt BD tại M

Xét tam giác ODA có F là trung điểm của AD , $FM \parallel OA$ ($FG \parallel AC$)

$$\Rightarrow M \text{ là trung điểm của } OD \Rightarrow FM \text{ là đường trung bình trong tam giác } ODA \Rightarrow FM = \frac{1}{2}OA$$

$$\text{Tương tự ta cũng được } GM = \frac{1}{2}OC \text{ mà } OA = OC \text{ (cmt)} \Rightarrow FM = GM$$

$$\Rightarrow M \text{ là trung điểm của } FG$$

$$\Rightarrow IM \text{ là đường trung bình trong tam giác } FJG$$

$$\Rightarrow IM \parallel AG \text{ mà } AG \perp HF \text{ (cmt)} \Rightarrow IM \perp HF$$

Gọi PG cắt MH tại K .

Dễ thấy $PHGM$ là hình chữ nhật (có 3 góc vuông)

$$\Rightarrow K \text{ là trung điểm của } PG \text{ và } HM; HM = PG$$

Có tam giác IMH vuông tại I ($IM \perp HF$) có K là trung điểm của HM

$$\Rightarrow KI = \frac{1}{2}HM = \frac{1}{2}PG$$

$$\Rightarrow \text{Tam giác } PIG \text{ vuông tại } I \Rightarrow IG \perp IP \text{ (đpcm)}$$

d) Cho $AB = 2cm$. Tính độ dài IP .

Ta có $ABCD$ là hình thoi có HF là đường trung bình và $\triangle ACD$ đều

$$\Rightarrow AB = BC = CD = DA = AC = HF = 2cm$$

$$\Rightarrow AG = \frac{2\sqrt{3}}{2} = \sqrt{3}cm \Rightarrow GJ = \frac{1}{2}AG = \frac{\sqrt{3}}{2}cm \text{ (} J \text{ là trung điểm của } AG \text{)}$$

$$OC = OA = \frac{1}{2}AC = 1cm; FG = EH = \frac{1}{2}AC = 1cm$$

$$OD = AG = \sqrt{3}cm \Rightarrow EF = GH = OD = \frac{1}{2}BD = \sqrt{3}cm$$

$$IJ = \frac{1}{2}FJ = \frac{1}{8}HF = \frac{1}{4}cm ; PH = MG = \frac{1}{2}FG = \frac{1}{2}cm$$

Áp dụng định lý Pytago cho tam giác GJI vuông tại J ta được:

$$IG = \sqrt{IJ^2 + GJ^2} = \sqrt{\frac{1}{16} + \frac{3}{4}} = \frac{\sqrt{13}}{4}(cm)$$

Áp dụng định lý Pytago cho tam giác HPG vuông tại H ta được:

$$PG = \sqrt{PH^2 + GH^2} = \sqrt{\frac{1}{4} + 3} = \frac{\sqrt{13}}{2}(cm)$$

Áp dụng định lý Pytago cho tam giác PIG vuông tại I ta được:

$$IP = \sqrt{PG^2 - IG^2} = \sqrt{\frac{13}{4} - \frac{13}{16}} = \frac{\sqrt{39}}{4}(cm)$$

LG bài 5

Giải chi tiết:

a) Cho ba số a, b, c thỏa mãn $(a+b+c)(ab+bc+ca) = 2017$ và $abc = 2017$.

Tính giá trị của biểu thức $P = (b^2c + 2017)(c^2a + 2017)(a^2b + 2017)$.

Theo câu 2 ta có $(a+b)(b+c)(c+a) + abc = (a+b+c)(ab+bc+ca)$

$$\Rightarrow (a+b)(b+c)(c+a) = (a+b+c)(ab+bc+ca) - abc = 2017 - 2017 = 0$$

$$P = (b^2c + 2017)(c^2a + 2017)(a^2b + 2017)$$

$$= (b^2c + abc)(c^2a + abc)(a^2b + abc)$$

$$= bc(c+a)ca(c+b)ab(a+c)$$

$$= a^2b^2c^2(a+b)(b+c)(c+a) = 0.$$

b) (Dành riêng cho lớp 8A) Tìm các số tự nhiên x, n sao cho số $p = x^4 + 2^{4n+2}$ là một số nguyên tố.

$$p = x^4 + 2^{4n+2} = (x^2)^2 + 2 \cdot x^2 \cdot 2^{2n+1} + (2^{2n+1})^2 - 2 \cdot x^2 \cdot 2^{2n+1}$$

$$= (x^2 + 2^{2n+1})^2 - x^2 \cdot 2^{2n+2}$$

$$= (x^2 + 2^{2n+1} - x \cdot 2^{n+1})(x^2 + 2^{2n+1} + x \cdot 2^{n+1}).$$

Với mọi số tự nhiên $x, n \Rightarrow 2^{2n+1} \geq 2^1 = 2 \Rightarrow x^2 + 2^{2n+1} + x \cdot 2^{n+1} \geq 2$

Với mọi số tự nhiên $x, n \Rightarrow 2^{2n} \geq 1 \Rightarrow x^2 + 2^{2n+1} - x \cdot 2^{n+1} = x^2 - 2x \cdot 2^n + 2^{2n} + 2^{2n} = (x - 2^n)^2 + 2^{2n} \geq 1$

$$\text{Để } p \text{ là một số nguyên tố } \begin{cases} x^2 + 2^{2n+1} - x \cdot 2^{n+1} = 1 \\ x^2 + 2^{2n+1} + x \cdot 2^{n+1} = 2 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 2^{2n+1} = 2 \\ x - 2^n = 0 \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} 2n+1=1 \\ x=2^n \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} n=0 \\ x=2^0=1 \end{cases}$$

Vậy với $n=0$ và $x=1$ thỏa mãn yêu cầu đề bài.